TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Tuấn.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Văn Đủ và bà Chu Thị Nụ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án TAND huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc xin ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Triệu Tài A, sinh năm 1982.
Địa chỉ:Làng 10, DT, V, Thái Nguyên.
Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12.
(Có mặt)

***Bị đơn:** Chị Triệu Thị B, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Làng 10, DT, V, Thái Nguyên.
Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12.
(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
Địa chỉ: Tổ dân phố TL, TT Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế VH, sinh năm 1972.
(Ngân hàng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Triệu Tài A khai: Anh và chị Triệu Thị B kết hôn năm 2008, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã LM, V, Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh và chị B có hai con chung là cháu Triệu Bảo F1 - sinh ngày 08/02/2009 và cháu Triệu Sinh F2 - sinh ngày 04/12/ 2014. Về tài sản chung vợ chồng có một ngôi nhà gỗ tạp xây tường bao có diện tích khoảng 65m2, khoảng 3000 cây keo lớn bé (đất làm nhà và đất trồng cây đều của bố mẹ anh cho mượn) và có một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Về nợ chung: Vợ chồng nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện V 62.000.000 đồng nhưng đến thời điểm xét xử đã trả hết, hiện tại không còn nợ ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, thỉnh thoảng cũng cãi chửi nhau rồi lại thôi. Giữa năm 2016 gia đình anh chị đầu tư làm xưởng bóc gỗ có vay mượn vốn về làm, trong quá trình làm không có lời lãi nên dẫn đến nợ nần từ đó vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2019 chị B có quan hệ với người đàn ông khác và nhắn tin cho nhau anh có đọc được tin nhắn và khuyên chị B nên dừng lại chị B cũng đã sửa sai. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn được như cũ nữa vợ chồng ít quan tâm đến nhau không có tiếng nói chung. Tháng 7/2019 chị B đi làm công ty ở Bắc Giang, cuối tuần mới về nhà thăm con, tuy vẫn ở chung một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2019. Do vậy anh thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Triệu Bảo F1, sinh năm 2009 nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Triệu Sinh F2, sinh năm 2014 vì chị B cũng muốn nuôi con nên anh đồng ý, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu F2 mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì anh chị không vay ai và cho ai vay.

* Theo biên bản lấy lời khai bị đơn chị Triệu Thị B khai: Chị B và anh A kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã LM, V, Thái Nguyên.Trước khi kết hôn được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc, hiện nay có 02 con chung là cháu Triệu Bảo F1 - sinh ngày 08/02/2009 và cháu Triệu Sinh F2 - sinh ngày 04/12/ 2014. Tài sản chung: Anh chị có một ngôi nhà gỗ tạp xây tường bao 4 gian lợp ngói đỏ, 01 nhà bếp gỗ tạp 3 gian lợp ngói đỏ, khoảng 3000 cây keo lớn bé (đất làm nhà và đất trồng cây đều của bố mẹ chồng chị cho mượn) và có một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tháng 7/2019 anh A làm đơn xin ly hôn chị cũng không biết lý do vì sao, đến tận thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn chị cũng không biết lý do. Hiện nay anh A bỏ nhà đi từ ngày 02/9/2019 đến nay không quan tâm đến vợ con cũng không về nhà, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh A xin ly hôn chị không nhất trí, chị đề nghị Tòa án A giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2020 chị B có ý kiến nếu anh A cương quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con, đề nghị anh A đóng góp cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/1 tháng. Tài sản chung chị B đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 21/02/2020 chị B có ý kiến nếu phải ly hôn chị đề nghi anh A nuôi cả hai con chung, chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Triệu Sinh F2 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị không biết nên không chấp nhận trả nợ.

Ngày 24/2/2020 chị B có đơn thay đổi ý kiến, theo đơn chị B trình bày chị nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi 02 con còn chồng chị phải chu cấp tiền hằng tháng.

* Tại bản tự khai đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Thái Nguyên trình bày: Hộ gia đình anh A và chị B có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Thái Nguyên tổng cộng 02 món vay là 62.000.000 đồng cụ thể: vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường 12.000.000 đồng, vốn hộ thoát nghèo là 50.000.000 đồng. Quá trình vay hộ anh A và chị B trả lãi đầy đủ đúng quy định. Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Thái Nguyên đề nghị Tòa án huyện Võ Nhai giải quyết người nào quản lý, sử dụng tài sản sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện V các khoản vay trên.

Ngày 11/8/2020 Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V có Công văn số 152/CV – NHCS xác định ngày 20/7/2020 anh A, chị A đã trả hết nợ cho Ngân hàng và nay không còn nợ Ngân hàng nữa, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai không xem xét nghĩa vụ trả nợ đối với gia đình anh A và chị B.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; đối với các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng, bị

đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Tài A, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Triệu Thị B.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Triệu Tài A được ly hôn chị Triệu Thị B.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Bảo F1 – Sinh ngày 08/02/2009 cho anh Triệu Tài A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh A không yêu cầu.

Giao cháu Triệu Sinh F2 – Sinh ngày 04/12/2014 cho chị Triệu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A cấp dưỡng nuôi cháu F2 mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi.

Anh A và chị B có quyền đi lại thăm con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn anh Triệu Tài A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là chị Triệu Thị B cư trú tại xóm Làng 10, xã DT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của anh A: Cuộc hôn nhân giữa anh A và chị B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.Theo anh A thời gian giữa năm 2016 gia đình anh chị đầu tư làm xưởng bóc gỗ có vay mượn vốn về làm, trong quá trình làm không có lời lãi nên dẫn đến nợ nần từ đó vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2019 chị B có quan hệ với người đàn ông khác và nhắn tin cho nhau anh có đọc được tin nhắn và khuyên chị B nên dừng lại chị B cũng đã sửa sai. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn được như cũ nữa vợ chồng ít quan tâm đến nhau không có tiếng nói chung. Tháng 7/2019 chị B đi làm công ty ở Bắc Giang, cuối tuần mới về nhà thăm con, tuy vẫn ở chung một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2019.

Theo chị B trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tháng 7/2019 anh A làm đơn xin ly hôn chị cũng không biết lý do vì sao, đến tận thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn chị cũng không biết lý do. Hiện nay anh A bỏ nhà đi từ ngày 02/9/2019 đến nay không quan tâm đến vợ con cũng không về nhà, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh A xin ly hôn chị không nhất trí, chị đề nghị Tòa án A giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi con.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xác định anh A và chị B có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ với người khác.

Xét cuộc hôn nhân của giữa chị B và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu Tài A.

[3] Về con chung: Anh A và chị B có 02 con chung là cháu Triệu Bảo F1 – Sinh ngày 08/02/2009 và cháu Triệu Sinh F2 – Sinh ngày 04/12/2014.

Xét nguyện vọng của anh A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Bảo F1 – Sinh ngày 08/02/2009, đồng thời cháu F1 cũng có nguyện vọng ở với bố là Triệu Tài A. Do vậy, cần giao cháu Triệu Bảo F1 cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh A không yêu cầu.

Đối với cháu Triệu Sinh F2 – Sinh ngày 04/12/2014. Vì chị B cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh A phải chu cấp tiền hằng tháng. Việc nuôi cháu F2 của chị B anh A đồng ý, đồng thời tại phiên tòa anh A cũng nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu F2 mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi. Do đó, cần giao cháu Triệu Sinh F2 – Sinh ngày 04/12/2014 cho chị Triệu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi.

Anh A và chị B cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu F2 và cháu F1 theo quy định.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại thời điểm xét xử anh A và chị B không có nợ chung, không cho ai vay, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 228 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Triệu Tài A được ly hôn chị Triệu Thị B.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Triệu Bảo F1 - Sinh ngày 08/02/2009 cho anh Triệu Tài A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh A không yêu cầu.

2.2. Giao cháu Triệu Sinh F2 – Sinh ngày 04/12/2014 cho chị Triệu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A cấp dưỡng nuôi cháu F2 mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi.

2.3. Anh A và chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh A cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở chị B thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Bảo F1. Chị B cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở anh A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Sinh F2.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Triệu Tài A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007576 ngày 02/01/2020.

Áp dụng Điều 357 BLDS đương sự phải chịu lãi xuất đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKS huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã La Hiên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Kim Tuấn